

# **ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

## **PHIÊN DỊCH THƯƠNG MẠI**

### **A. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC**

- 1. Tên môn học (tiếng Việt) : PHIÊN DỊCH THƯƠNG MẠI**
- 2. Tên môn học (tiếng Anh) : BUSINESS INTERPRETATION**  
**Mã số môn học : ENB305**
- 4. Trình độ đào tạo : Đại học**
- 5. Ngành đào tạo áp dụng : Ngôn ngữ Anh**
- 6. Số tín chỉ : 03**
  - Lý thuyết : 01 TC
  - Thảo luận và bài tập : 02 TC
  - Thực hành : 00
  - Khác (ghi cụ thể) : 00
- 7. Phân bổ thời gian :**
  - Tại giảng đường : 35 tiết
  - Tự học ở nhà : 100 giờ
  - Trực tuyến : 10 tiết
  - Khác (ghi cụ thể) :
- 8. Khoa quản lý môn học : Khoa Ngoại Ngữ**
- 9. Môn học trước : Thực hành Biên dịch Thương mại Việt – Anh/ Biên dịch thương mại Anh-Việt**
- 10. Mô tả môn học**

Đây là môn học thuộc nhóm môn thay thế khóa luận tốt nghiệp, bao gồm 9 chương nội dung. Môn học cung cấp cho sinh viên một cái nhìn tổng quan về ngành phiên dịch (dịch nói), bao gồm các loại hình phiên dịch phổ biến cùng những nguyên tắc và kỹ thuật phiên dịch căn bản. Sinh viên bước đầu luyện tập các kỹ năng phiên dịch cần thiết trên nền ngữ liệu là các tình huống giao dịch đàm phán thương mại hoặc các bản tin kinh tế (Anh→ Việt; Việt→ Anh). Ngoài ra, môn học còn chú trọng rèn luyện kỹ năng nghe hiểu cũng như xây dựng cho sinh viên vốn kiến thức chuyên ngành ngày một sâu rộng hơn.
- 11. Yêu cầu môn học**

- Sinh viên phải đến lớp đúng giờ, đảm bảo thời gian học trên lớp, có thái độ nghiêm túc và chủ động, tích cực trong học tập.
- Sinh viên phải đọc trước tài liệu theo yêu cầu của giảng viên, đồng thời tìm đọc thêm các tài liệu có liên quan ở thư viện và trên Internet.
- Sinh viên cần rèn luyện kỹ năng thường xuyên và liên tục, vận dụng các kiến thức đã học trên lớp vào tất cả các bài tập thực hành.
- Sinh viên cần tích cực tham gia phát biểu xây dựng bài cũng như tham gia thảo luận làm bài tập nhóm và nghiêm túc thực hiện các bài tập cá nhân.
- Sinh viên phải hoàn thành tất cả các bài tự học theo chỉ định của giảng viên để có thể nắm vững các kiến thức và kỹ năng biên dịch cần thiết.
- Kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ: Sinh viên vắng thi sẽ bị điểm 0 nếu không có đơn xin phép có lý do chính đáng được chấp nhận.

## **12. Học liệu của môn học**

### **12.1. Giáo trình**

[1] Nguyễn Quang Nhật. (2016). *A Handbook of Consecutive Interpretation*. Tp.HCM: Trường Đại học Ngân hàng Tp. HCM.

### **12.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Nguyễn Quốc Hùng. (2012). *Hướng dẫn kỹ thuật Phiên dịch dịch Anh- Việt, Việt-Anh*. NXB Tổng hợp TP HCM.

## **B. PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC**

### **Các thành phần đánh giá môn học**

<b>Thành phần đánh giá</b>	<b>Phương thức đánh giá</b>	<b>Trọng số</b>
A.1. Đánh giá quá trình	A.1.1. Chuyên cần	10%
	A.1.2. Bài tập nhóm	20%
	A.1.3. Kiểm tra giữa kỳ	20%
A.2. Đánh giá cuối kỳ	A.2.1. Thi cuối kỳ	50%

## **C. NỘI DUNG CHI TIẾT GIẢNG DẠY**

**Nội dung giảng dạy chi tiết**

## **CHƯƠNG 1: OVERVIEW**

- 1.1. Definition
- 1.2. Historical background
- 1.3. Criteria for a good interpreter
- 1.4. Types of interpretation
- 1.5. Modes of interpretation

## **CHƯƠNG 2: LISTENING COMPREHENSION**

- 2.1. Preparations
- 2.2. The process of interpretation
- 2.3. Techniques of listening comprehension in interpreting training

## **CHƯƠNG 3: NOTE-TAKING AND MEMORY TRAINING**

- 3.1 Note-taking in consecutive interpretation
- 3.2. Memory training

## **CHƯƠNG 4: MID-COURSE TEST**

- 4.1. Revision
- 4.2. Mid-course test

## **CHAPTER 5: PROBLEMATIC ISSUES IN INTERPRETATION**

- 5.1. Misunderstanding vs. misinterpretation
- 5.2. Cultural awareness in interpretation
- 5.3. Interpreting names and titles
- 5.4. Coping tactics and handling questions

## **CHƯƠNG 6: SPEAKING SKILLS IN INTERPRETATION**

- 6.1. Turn-taking
- 6.2. Timing
- 6.3. Voice delivery
- 6.4. Pitches and intonation
- 6.5. Suggestions for voice training

## **CHAPTER 7: CONSOLIDATION AND FURTHER PRACTICE**

- 7.1. Further practice
- 7.2. Final review

